

ĐỀ THI HỌC KÌ II:**ĐỀ SỐ 1****MÔN: TOÁN - LỚP 7****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****LỜI GIẢI CHI TIẾT****I. Trắc nghiệm:**

1. B	2. D	3. D	4. B
5. C	6. D	7. C	8. D

Câu 1:**Phương pháp:**

Tìm số học sinh được điểm xuất sắc

Tìm tổng số học sinh của lớp 7A

Tìm tỉ số phần trăm học sinh được điểm xuất sắc (điểm 9, 10) so với học sinh cả lớp.

Cách giải:

Số học sinh được điểm xuất sắc là: $9 + 6 = 15$ (học sinh).

Tổng số học sinh của lớp 7A là: $2 + 2 + 3 + 4 + 14 + 9 + 6 = 40$ (học sinh).

Tỉ số phần trăm học sinh được điểm xuất sắc (điểm 9, 10) so với học sinh cả lớp là:

$$(15 : 40) \cdot 100\% = 37,5\%$$

Vậy tỉ số phần trăm học sinh được điểm xuất sắc (điểm 9, 10) so với học sinh cả lớp là 37,5%.

Chọn B.**Câu 2:**

Phương pháp: Dựa vào mối quan hệ giữa góc và cạnh trong tam giác để so sánh các cạnh với nhau.

Cách giải:

$$\text{Ta có: } \angle C = 180^\circ - (55^\circ + 85^\circ) = 40^\circ.$$

$$\Rightarrow \angle C < \angle A < \angle B$$

$$\Rightarrow AB < BC < AC \text{ hay } AC > BC > AB.$$

Chọn D.**Câu 3:****Phương pháp**

Hình hộp chữ nhật có 6 mặt, 8 đỉnh, 12 cạnh

Lời giải

Hình hộp chữ nhật có 12 cạnh.

Chọn D

Câu 4.

Phương pháp

Thể tích hình lăng trụ đứng = Diện tích đáy. Chiều cao

Diện tích hình thoi = $\frac{1}{2}$. Tích 2 đường chéo

Lời giải

Diện tích đáy của lăng trụ là: $S = \frac{1}{2} \cdot 8 \cdot 12 = 48 (cm^2)$

Thể tích hình lăng trụ đó là: $V = S \cdot h = 48 \cdot 20 = 96 (cm^3)$

Chọn B

Câu 5:

Phương pháp:

Ta có công thức nhân hai lũy thừa $a^n \cdot a^m = a^{n+m}$

Cách giải:

$$2x^3 \cdot 5x^4 = 10 \cdot x^{3+4} = 10x^7$$

Chọn C.

Câu 6:

Phương pháp:

Hệ số cao nhất của đa thức là hệ số của hạng tử có bậc cao nhất trong đa thức.

Cách giải:

Đa thức $M = 10x^2 - 4x + 3 - 5x^5$ có hệ số cao nhất là -5.

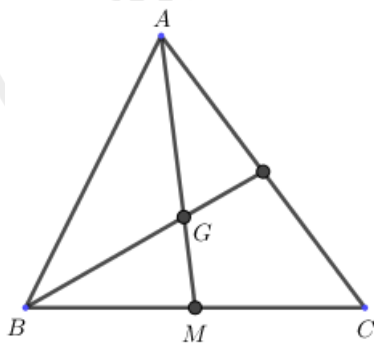
Chọn D

Chú ý: Hệ số cao nhất không phải hệ số lớn nhất trong đa thức.

Câu 7:

Phương pháp: Nếu ΔABC có trung tuyến AM và trọng tâm G thì $AG = \frac{2}{3}AM$.

Cách giải:



Nếu ΔABC có trung tuyến AM và trọng tâm G thì $GM = \frac{1}{3}AM = \frac{1}{3}.9 = 3(cm)$.

Chọn C.

Câu 8:

Phương pháp:

Tìm tất cả số khả năng có thể xảy ra và số kết quả thuận lợi cho biến cố đó.

Cách giải:

Mỗi bạn đều có khả năng được chọn nên có 6 kết quả có thể xảy ra.

Có một kết quả thuận lợi cho biến cố “Bạn được chọn là nam”.

Xác suất của biến cố bạn được chọn là nam là $\frac{1}{6}$

Chọn D.

II. TỰ LUẬN

Bài 1:

Phương pháp:

a) Thực hiện các phép toán với phân số.

b) Vận dụng định nghĩa hai phân số bằng nhau: Nếu $\frac{a}{b} = \frac{c}{d}$ thì $ad = bc$.

Cách giải:

$$a) \frac{1}{12} + x = \frac{-11}{12}$$

$$x = \frac{-11}{12} - \frac{1}{12}$$

$$x = \frac{-11-1}{12}$$

$$x = \frac{-12}{12} = -1$$

Vậy phương trình có nghiệm là $x = -1$

$$b) \frac{2x-1}{27} = \frac{3}{2x-1}$$

$$(2x-1)^2 = 27 \cdot 3 = 81$$

$$(2x-1)^2 = (\pm 9)^2$$

Trường hợp 1:

$$2x-1=9$$

$$2x=10$$

$$x=5$$

Trường hợp 2:

$$2x-1=-9$$

$$2x=-8$$

$$x=-4$$

Vậy phương trình có nghiệm là $x=5$ hoặc $x=-4$

Bài 2:

Phương pháp:

Gọi số công nhân của 3 đội lần lượt là x, y, z (điều kiện: $x, y, z \in \mathbb{N}^*$)

Vận dụng kiến thức về tỉ lệ nghịch để tìm các đại lượng của đề bài.

Cách giải:

Gọi số công nhân của 3 đội lần lượt là x, y, z (điều kiện: $x, y, z \in \mathbb{N}^*$)

Vì đội I có nhiều hơn đội II là 4 người nên: $x - y = 4$

Vì số năng suất mỗi người là như sau, nên số người và số ngày hoàn thành công việc là hai đại lượng tỉ lệ nghịch, nên ta có:

$$4x = 6y = 8z \text{ hay } \frac{x}{\frac{1}{4}} = \frac{y}{\frac{1}{6}} = \frac{z}{\frac{1}{8}}$$

Theo tính chất của dãy tỉ số bằng nhau, ta có: $\frac{x}{\frac{1}{4}} = \frac{y}{\frac{1}{6}} = \frac{z}{\frac{1}{8}} = \frac{x-y}{\frac{1}{4} - \frac{1}{6}} = \frac{4}{\frac{1}{12}} = 48$

$$\text{Từ } \frac{x}{\frac{1}{4}} = 48 \Rightarrow x = 12 \text{ (tmđk)}$$

$$\frac{y}{\frac{1}{6}} = 48 \Rightarrow y = 8 \text{ (tmđk)}$$

$$\frac{z}{\frac{1}{8}} = 48 \Rightarrow z = 6 \text{ (tmđk)}$$

Vậy số công nhân của 3 đội lần lượt là: 12 công nhân, 8 công nhân, 6 công nhân.

Bài 3:

Phương pháp:

a) Thu gọn và sắp xếp các hạng tử của đa thức $A(x), B(x)$ theo lũy thừa giảm dần của biến.

b) Tính $A(x) + B(x); A(x) - B(x)$.

c) Chứng minh rằng đa thức $C(x)$ không có nghiệm.

Cách giải:

a) Thu gọn:

$$A(x) = 2x^4 - 5x^3 + 7x - 5 + 4x^3 + 3x^2 + 2x + 3$$

$$A(x) = 2x^4 + (-5x^3 + 4x^3) + 3x^2 + (7x + 2x) - 5 + 3$$

$$A(x) = 2x^4 - x^3 + 3x^2 + 9x - 2$$

$$B(x) = 5x^4 - 3x^3 + 5x - 3x^4 - 2x^3 + 9 - 6x$$

$$B(x) = (5x^4 - 3x^4) + (-3x^3 - 2x^3) + (5x - 6x) + 9$$

$$B(x) = 2x^4 - 5x^3 - x + 9$$

b) Tính $A(x) + B(x); A(x) - B(x)$.

$$+) A(x) + B(x) = (2x^4 - x^3 + 3x^2 + 9x - 2) + (2x^4 - 5x^3 - x + 9)$$

$$= (2x^4 + 2x^4) + (-x^3 - 5x^3) + 3x^2 + (9x - x) + (-2 + 9)$$

$$= 4x^4 - 6x^3 + 3x^2 + 8x + 7$$

$$+) A(x) - B(x) = (2x^4 - x^3 + 3x^2 + 9x - 2) - (2x^4 - 5x^3 - x + 9)$$

$$= (2x^4 - x^3 + 3x^2 + 9x - 2) - 2x^4 + 5x^3 + x - 9$$

$$= (2x^4 - 2x^4) + (-x^3 + 5x^3) + 3x^2 + (9x + x) + (-2 - 9)$$

$$= 4x^3 + 3x^2 + 10x - 11$$

c) Chứng minh rằng đa thức $C(x)$ không có nghiệm.

$$\text{Ta có: } C(x) = x^4 + 4x^2 + 5.$$

$$\text{Vì } x^4 > 0, \forall x \text{ và } x^2 > 0, \forall x \text{ nên } C(x) > 0, \forall x.$$

$$\Rightarrow \text{không có giá trị nào của } x \text{ làm cho } C(x) = 0.$$

$$\Rightarrow C(x) \text{ là đa thức không có nghiệm.}$$

Bài 4: Phương pháp:

a) Chứng minh hai tam giác bằng nhau.

b) Chứng minh ΔDHA cân tại D

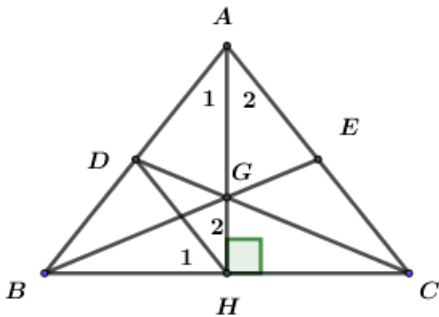
$$\Rightarrow AD = DH \text{ (hai cạnh bên của tam giác cân)}$$

c) Chứng minh $DB = DA$ hay D là trung điểm của AB .

Suy ra G là trọng tâm của tam giác ABC , BE là một đường trung tuyến của ΔABC nên nó đi qua G . Từ đó suy ra B, E, G thẳng hàng.

d) Chứng minh dựa vào bất đẳng thức tam giác, tính chất đường trung tuyến của tam giác.

Cách giải:



a) Xét hai tam giác: ΔAHB & ΔAHC .

Ta có: $\angle AHB = \angle AHC = 90^\circ$ (gt)

$AB = AC$ và $\angle B = \angle C$ (do tam giác ABC cân tại A)

$\Rightarrow \Delta AHB = \Delta AHC$. (cạnh huyền góc nhọn)

b) Chứng minh $AD = DH$

Vì ΔABC cân tại A nên AH vừa là đường cao vừa là đường phân giác

$\Rightarrow \angle A_1 = \angle A_2$ (2)

Mà $\angle H_2 = \angle A_2$ (1) (hai góc ở vị trí so le trong)

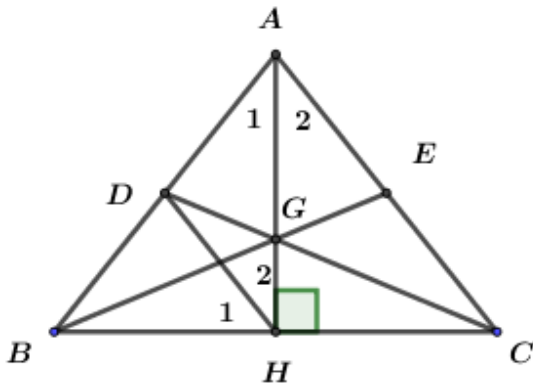
Từ (1) và (2) suy ra: $\angle A_1 = \angle H_2$ (3)

Tam giác DHA có hai góc ở đáy bằng nhau ($\angle A_1 = \angle H_2$ (cmt))

$\Rightarrow \Delta DHA$ cân tại D

$\Rightarrow AD = DH$ (hai cạnh bên của tam giác cân)

c)



Vì $DH \parallel AC$ (gt) nên $\angle ACB = \angle H_1$ (hai góc ở vị trí đồng vị) (1)

Mà $\angle ACB = \angle ABC$ (do tam giác ABC cân tại A) (2)

Từ (1) và (2) suy ra: $\angle H_1 = \angle ABC$

Xét $\triangle DHB$ có: $\angle H_1 = \angle ABC$ (cmt)

Nên $\triangle DHB$ cân tại D . Do đó: $DB = DH$

Mặt khác: $AD = DH$ (chứng minh a))

Suy ra: $AD = DB$ Tức D là trung điểm của AB .

Xét $\triangle ABC$ có DC là đường trung tuyến ứng với cạnh AB

AH là đường trung tuyến ứng với cạnh BC

Mà $CD \cap AH = G$ (giả thiết)

$\Rightarrow G$ là trọng tâm của $\triangle ABC$

Do đó: đường trung tuyến BE đi qua điểm G , hay nói cách khác B, E, G thẳng hàng.

d) Ta có: DC, BE, AH lần lượt là đường trung tuyến ứng với các cạnh $AB; AC; BC$

Khi đó:

$$2DC < AC + BC$$

$$2BE < AB + BC$$

$$2AH < AB + BC$$

$$\Rightarrow 2.(DC + BE + AH) < 2.(AB + AC + BC)$$

$$\Rightarrow DC + BE + AH < AB + AC + BC$$

Mà $DC = BE$ (do $\triangle ABC$ cân tại A)

$$\Rightarrow DC + BE + AH < AB + AC + BC$$

$$2.BE + AH < AB + AC + BC$$

$$2.\frac{3}{2}.BG + AH < AB + AC + BC$$

$$3BG + AH < AB + AC + BC$$

$$\text{Hay } AB + AC + BC > AH + 3BG$$

$$\text{Vậy: } AB + AC + BC > AH + 3BG$$

Câu 5:

Phương pháp:

Chứng minh $f(7) - f(2)$ là một hợp số ta chứng minh nó có thể phân tích được thành tích của hai số tự nhiên nhỏ hơn nó.

*Lưu ý: Hợp số là một số tự nhiên có thể biểu diễn thành tích của hai số tự nhiên khác nhỏ hơn nó.

Cách giải:

Ta có:

$$f(5) = 125.a + 25.b + 5.c + d$$

$$f(4) = 64a + 16.b + 4.c + d$$

$$\Rightarrow f(5) - f(4) = 61a + 9b + c = 2019$$

Lại có:

$$f(7) = 343.a + 49.b + 7.c + d$$

$$f(2) = 8a + 4b + 2c + d$$

$$\Rightarrow f(7) - f(2)$$

$$= 335a + 45b + 5c$$

$$= 5.(67a + 9b + c)$$

$$= 5.1019$$

$$\Rightarrow f(7) - f(2) \text{ là hợp số. (đpcm).}$$